

BÁO CÁO

Tình hình thu NSNN, chi ngân sách huyện năm 2019

I. PHẦN THU NSNN

Tổng thu NSNN:

- Tỉnh giao: 762.469 triệu đồng
- Huyện giao: 1.039.002 triệu đồng
- Ước thực hiện: 1.485.567 triệu đồng

1. Thu NSNN trên địa bàn:

- Tỉnh giao: 194.151 triệu đồng
- Huyện giao: 334.151 triệu đồng
- Ước thực hiện: 366.015 triệu đồng

Trong đó: Ngân sách tỉnh 11.599 triệu đồng; ngân sách huyện 179.960 triệu đồng; ngân sách xã: 174.456 triệu đồng.

1.1. Thu do Cục Thuế quản lý thu:

- Dự toán tỉnh, huyện giao: 7.401 triệu đồng
- Ước thực hiện: 4.998 triệu đồng

1.2. Thu do Chi Cục Thuế thu:

- Dự toán tỉnh giao: 180.250 triệu đồng
- Dự toán huyện giao: 320.250 triệu đồng
- Ước thực hiện: 352.899 triệu đồng

1.3. Thu do Sở Tài chính giao:

- Dự toán tỉnh, huyện giao: 6.500 triệu đồng
- Ước thực hiện: 8.118 triệu đồng

2. Thu chuyển nguồn năm 2018: 106.192 triệu đồng

2.1. Ngân sách cấp huyện: 65.691 triệu đồng

2.2. Ngân sách xã: 40.501 triệu đồng

3. Thu trợ cấp Ngân sách cấp trên:

- Tỉnh giao: 568.318 triệu đồng
- Huyện giao: 699.286 triệu đồng
- Ước thực hiện: 972.429 triệu đồng

II. PHẦN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN

- Tỉnh giao: 757.793 triệu đồng
- Huyện giao: 1.034.326 triệu đồng
- Ước thực hiện: 1.473.968 triệu đồng

(Chi đầu tư: 348.536 triệu đồng; Chi thường xuyên: 850.137 triệu đồng, chi trợ cấp: 254.111 triệu đồng; chi nộp NS cấp trên 927 triệu đồng).

(Có phụ lục chi tiết số 01, 02 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

1. Về thu NSNN:

Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2019 trong điều kiện kinh tế tiếp tục ổn định, công tác thu luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp, Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách nhà nước năm 2019 của huyện, cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp trong việc cưỡng chế nợ thuế, triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch kiểm tra chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn, số hộ và số thuế phải thu tăng so với cuối năm 2018, đến ngày 30/11/2019 đã đưa vào quản lý 2.060 hộ nâng tổng số hộ quản lý 5.690 hộ (trong đó: hộ quản lý thu thuế hàng tháng 875 hộ, số hộ có doanh thu dưới 100 triệu đồng chưa đến mức thu thuế hàng tháng là 4.815); số nợ thuế giảm 1,5 tỷ đồng so với 31/12/2018 (giảm 7,9%); ước thu ngân sách trên địa bàn đạt 366.015 triệu đồng, bằng 188,5% dự toán tỉnh giao, bằng 109,5 % dự toán huyện giao (Nếu không tính tiền sử dụng đất tăng 23,3%) và tăng 33,4% so với cùng kỳ, gồm các khoản thu chủ yếu sau:

- Các sắc thuế do Cục thuế thu ước đạt 4.998 triệu đồng đạt 67,5 % dự toán giao, tăng cao so với cùng kỳ (3.266,7 %).

- Các sắc thu do Chi cục thuế, huyện thu ước đạt 352.899 triệu đồng, bằng 195,8% dự toán tỉnh giao, bằng 110,2% so với dự toán huyện giao, tăng 34,6 % so với cùng kỳ, trong đó thu không bao gồm tiền sử dụng đất ước đạt 90.647 triệu đồng, tăng 29,0% dự toán giao và vượt dự toán phần đầu HĐND huyện giao; trong đó: các khoản thu từ thuế ước đạt 45.464 triệu đồng bằng 115,8% dự toán, tăng 18,8 % so với cùng kỳ; các loại phí, lệ phí ước đạt 35.695 triệu đồng bằng 119,8% dự toán, tăng 21,8% so với cùng kỳ; thu cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 808 triệu đồng bằng 404% dự toán, bằng 40,8 % so với cùng kỳ; thu tiền thuê mặt đất, mặt nước ước đạt 8.680 triệu đồng bằng 868% dự toán và bằng 105,3% so với cùng kỳ; thu tiền sử dụng đất ước đạt 262.252 triệu đồng tăng 138,4% so dự toán tỉnh giao, tăng 4,9% so dự toán huyện giao và tăng 42,3% so với cùng kỳ.

- Thu các khoản thu do Sở Tài chính giao ước thực hiện 8.118 triệu đồng bằng 124,9 % so với dự toán và bằng 66,7% so với cùng kỳ.

2. Về chi NS huyện

Ước thực hiện 1.473.968 triệu đồng bằng 142,5% dự toán huyện giao, bằng 102,3% so với cùng kỳ ; trong đó: chi đầu tư 348.536 triệu đồng, chi thường xuyên 850.137 triệu đồng; chi trợ cấp 254.111 triệu đồng; chi chuyển nguồn 20.257 triệu đồng; chi nộp ngân sách cấp trên 927 triệu đồng;

Trên cơ sở dự toán được giao, các đơn vị đã chủ động phân bổ dự toán chi đầy đủ cho các nhiệm vụ chi của đơn vị, đảm bảo thời gian quy định, chấm dứt

tình trạng ứng nguồn kinh phí khi chưa có dự toán được duyệt, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các ngành liên quan, chỉ NS huyện năm 2019 cơ bản theo dự toán được duyệt, đảm bảo kinh phí đáp ứng kịp thời thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và an sinh xã hội trên địa bàn, đảm bảo quản lý, điều hành ngân sách chủ động, tích cực và sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, đúng chế độ chính sách.

Chi dự phòng ngân sách cấp huyện đảm bảo đúng quy định, số chi từ nguồn dự phòng đến ngày 30/11/2019: 5.961 triệu đồng, bằng 90,3% dự toán giao, trong đó: chi công tác phòng chống dịch bệnh 5.214 triệu đồng, đảm bảo quốc phòng an ninh 697 triệu đồng.

Công tác quyết toán dự án hoàn thành đã có nhiều chuyên biến, đến 30/11/2019 toàn huyện đã phê duyệt quyết toán được 122 công trình (thuộc thẩm quyền của xã 77; thẩm quyền của huyện 45); số giảm trừ sau quyết toán 1,1 tỷ đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của huyện; Qua số liệu tổng hợp báo cáo nhanh của các xã, thị trấn (thời điểm 30/11/2019) công tác thu ngân sách tại xã nộp KBNN đã chuyển biến rõ rệt, 100% số xã thực hiện thu nộp vào KBNN.

Việc tổ chức thực hiện nội dung kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán, quyết toán ngân sách hàng năm đã được cấp ủy, chính quyền các xã quan tâm thực hiện nghiêm túc, kịp thời, một số xã thực hiện tốt, như: Thọ Vực, Thọ Phú, Dân Quyền...

3. Tồn tại và hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, chỉ NS huyện năm 2019 còn những tồn tại, hạn chế đó là:

3.1. Nợ đọng thuế giảm so với thời điểm 31/12/2018, nhưng vẫn còn cao nợ đến 30/11/2019 còn 16,9 tỷ đồng (Chưa bao gồm tiền chậm nộp).

3.2. Thu tại xã không đạt dự toán (bằng 88,3% dự toán giao).

3.3. Công tác quyết toán dự án hoàn thành còn chậm, chưa đạt yêu cầu, toàn huyện đến ngày 30/11/2019 còn 199 công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán (Thuộc thẩm quyền phê duyệt của huyện 64 công trình, của xã 135 công trình), một số xã còn nhiều công trình chậm phê duyệt quyết toán như: Dân Quyền, Thọ Thế, Thọ Cường, Tiến Nông, Thọ Bình

3.4. Bên cạnh những xã thực hiện tốt kế hoạch đầu giá QSD đất được duyệt, khai thác tốt nguồn thu, vẫn còn một số xã triển khai chậm, như: Thọ thế, Triệu Thành, Thọ Dân, Hợp Lý, Thọ Tân, Thái Hòa...

3.5. Việc tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán, quyết toán ngân sách hàng năm ở một số xã chưa được quan tâm tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện; công tác báo cáo định kỳ, đột xuất ở một số đơn vị còn

chậm, không đạt yêu cầu, như: Tiến Nông, Thọ Cường, Xuân Thọ, Thọ Dân, Hợp Thắng, Bình Sơn...

4. Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế:

4.1. Số thu tại xã không đạt dự toán (ước đạt 88,3%) do sản xuất nông nghiệp khó khăn, diện tích đất công ích ngày càng giảm không tập trung, nhân dân không có nhu cầu thuê thầu khoán, giá trị giao khoán thầu giảm.

4.2. Một số doanh nghiệp có số thuế nộp NSNN lớn hoạt động khai thác đất sét ngừng hoạt động, doanh nghiệp hoạt động chế biến lâm sản chuyển từ SX SP tiêu thụ trong nước sang xuất khẩu, thị trường thu hẹp đã làm giảm số phải nộp NSNN trong năm và khó khăn trong việc truy thu nợ thuế; một số doanh nghiệp cố tình chây ì, không chấp hành luật quản lý thuế,...làm phát sinh nợ thuế trong năm cao.

4.3. Trình độ quản lý, năng lực tổ chức thực hiện dự án của một số chủ đầu tư còn yếu; trách nhiệm, tính quyết liệt của chủ đầu tư chưa cao, không đôn đốc các nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn, cán bộ chuyên môn liên quan trong việc hoàn thiện hồ sơ, lập báo cáo quyết toán và việc quản lý, lưu trữ hồ sơ công trình không đầy đủ dẫn đến khó khăn trong lập báo cáo quyết toán; công tác tham mưu, trình độ chuyên môn của CBCC ở một số xã còn hạn chế, bên cạnh đó công tác chỉ đạo của người đứng đầu các địa phương chưa cương quyết, thiếu kiểm tra đôn đốc, xử lý, giải quyết chưa dứt điểm còn phó mặc cho cán bộ chuyên môn; công tác kiểm tra, tham mưu xử lý của cơ quan chức năng ở huyện cũng còn hạn chế, xử lý chưa nghiêm.

Qua số liệu ước thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, chi ngân sách huyện năm 2019 là năm có số thu cao nhất từ trước đến nay, nhiều chỉ tiêu thu đạt và vượt cao dự toán, đã đáp ứng được nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán được duyệt cũng như các nhiệm vụ phát sinh; tuy nhiên, trong quản lý, điều hành ngân sách năm 2019 vẫn còn những tồn tại, hạn chế chưa được khắc phục triệt để; năm 2020 các cấp, các ngành liên quan cần đề ra được những giải pháp, biện pháp cụ thể, sát thực tế, tăng cường kỷ luật ngân sách để khắc phục những tồn tại hạn chế nêu trên. / *10/10*

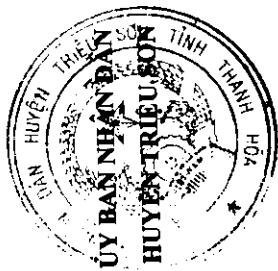
Nơi nhận:

- T.T. Huyện ủy (B/c);
- T.T. HĐND huyện (B/c);
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ngành, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Trường Sơn



Phụ lục 01

BÁO CÁO

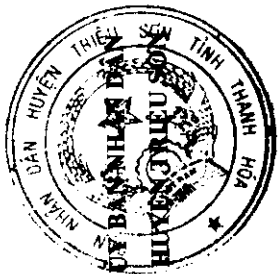
Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2019

(Kèm theo báo cáo số 3871 /BC-UBND ngày 16 /12/2019 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	DT tính giao năm 2019	Dự toán huyện giao năm 2019						Ước thực hiện năm 2019						Cùng kỳ năm 2018		So sánh (%)		
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			NST; TW	NSH	NSX	NST; TW	NSH	NSX	TH/DT tỉnh giao	TH/DT huyện giao	Cùng kỳ
				NST; TW	NSH	NSX		NST; TW	NSH	NSX									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13					
	TỔNG THU NSNN	762.469	1.039.002	4.676	758.921	275.405	1.485.567	11.599	985.027	488.941	1.441.206	194,8	143,0	103,1					
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	194.151	334.151	4.676	185.038	144.437	366.015	11.599	179.960	174.456	274.436	188,5	109,5	133,4					
A	CỤC THUẾ THU	7.401	7.401	3.194	3.824	383	4.998	2.290	2.632	76	153	67,5	67,5	3.266,7					
1	Thuế môn bài	91	91		91		60		60		35	65,9	65,9						
2	Tiền thuế đất	1.258	1.258	503	503	252	250	100	100	50	20	19,9	19,9						
3	Thu cấp quyền KTKS	439	439	176	132	131	130	78	26	26	10	29,6	29,6						
4	Phí BVMTKTKS	500	500		500		334		334		10	66,8	66,8						
5	Phí nước thải sinh hoạt	83	83		83		0		0			0,0	0,0						
6	Thuế tài nguyên	5.030	5.030	2.515	2.515		4.224	2.112	2.112		78	84,0	84,0						
B	CHI CỤC THUẾ HUYỆN THU	180.250	320.250	1.482	179.714	139.054	352.899	9.304	175.220	168.375	262.120	195,8	110,2	134,6					
1	Thu từ thuế	39.250	39.250	1.002	31.674	6.574	45.464	5.406	28.074	11.984	38.284	115,8	115,8	118,8					
1.1	Thu từ DNNN	150	150	150			100	100				66,7	66,7						
1.2	Thuế GTGT-TTĐB-TNDN	29.000	29.000		27.560	1.440	29.858	3.980	21.553	4.325	26.356	103,0	103,0	113,3					
1.3	Thuế tài nguyên	1.000	1.000		1.000		2.844	118	2.453	273	3.404	284,4	284,4	83,5					
1.4	Thuế SD đất phi NN	1.000	1.000	52	78	870	2.234	407	407	1.420	1.455	223,4	223,4	153,5					

TT	Nội dung	DT tính giao năm 2019	Dự toán huyện giao năm 2019						Ước thực hiện năm 2019						Cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)				
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			NST; TW	NSH	NSX	NST; TW		NSH	NSX	TH/DT tỉnh giao	TH/DT huyện giao	Cùng kỳ
				NST; TW	NSH	NSX		NST; TW	NSH	NSX										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13						
1.5	Thuế thu nhập cá nhân	6.500	6.500		2.236	4.264	8.138	1	2.171	5.966	7.069	125,2	125,2	115,1						
1.6	Thu khác ngoài quốc doanh	1.600	1.600	800	800		2.290	800	1.490			143,1	143,1							
2	Khoản phí, lệ phí	29.800	29.800	0	27.540	2.260	35.695	0	32.228	3.467	29.311	119,8	119,8	121,8						
2.1	Lệ phí trước bạ	27.200	27.200		25.880	1.320	33.068	0	30.420	2.648	26.886	121,6	121,6	123,0						
2.2	Các loại phí lệ phí	2.600	2.600	0	1.660	940	2.627		1.808	819	2.425	101,0	101,0	108,3						
3	Thu cấp quyền khai thác KS	200	200	80	60	60	808	218	405	185	1.981	404,0	404,0	40,8						
4	Các khoản thu khác còn lại	111.000	251.000	400	120.440	130.160	270.932	3.680	114.513	152.739	192.544	244,1	107,9	140,7						
4.1	Thu tiền thuê mặt đất mặt nước	1.000	1.000	400	440	160	8.680	3.472	3.472	1.736	8.246	868,0	868,0	105,3						
4.2	Tiền sử dụng đất	110.000	250.000		120.000	130.000	262.252	208	111.041	151.003	184.298	238,4	104,9	142,3						
C	SỞ TÀI CHÍNH GIAO	6.500	6.500	0	1.500	5.000	8.118	5	2.108	6.005	12.163	124,9	124,9	66,7						
1	Thu khác ngân sách	1.500	1.500		1.500		2.629	5	2.108	516	4.880	175,3	175,3	53,9						
2	Thu thường xuyên tại xã	5.000	5.000			5.000	5.489				7.283	109,8	109,8	75,4						
	Trong đó: thu đóng góp						1.074			1.074	2.321									
II	Thu trợ cấp NS cấp trên	568.318	699.286	0	568.318	130.968	972.429	0	718.318	254.111	1.051.260	171,1	139,1	92,5						
1	Trợ cấp cân đối	568.318	699.286		568.318	130.968	694.286		568.318	125.968	671.515	122,2	99,3	103,4						
2	Trợ cấp mục tiêu		0		0		278.143		150.000	128.143	379.745			73,2						
III	Thu để lại chi quan NSNN	0	5.565	0	5.565		0	0	0	0	0	0	0	0,0						
1	Thu học phí (60%)		5.565		5.565		0													
IV	Thu chuyển nguồn						106.192		65.691	40.501	92.526									
V	Thu kết dư						40.931		21.058	19.873	22.984									



Phụ lục 02

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chi ngân sách huyện năm 2019

(Kèm theo báo cáo số 3871 /BC-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	DT năm 2019 tính giao	Dự toán năm 2019 huyện giao			Ước thực hiện năm 2019			Cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
			Tổng số	NSH	NSX	Tổng số	NSH	NSX		TH/DT tỉnh giao	TH/DT huyện giao	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CHI NS HUYỆN	757.793	1.034.326	758.921	275.405	1.473.968	985.027	488.941	1.441.206	194,5	142,5	102,3
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	757.793	1.028.761	753.356	275.405	1.473.041	984.472	488.569	1.438.331	194,4	143,2	102,4
I.	Chi đầu tư	110.000	250.000	120.000	130.000	348.536	146.041	202.495	253.590	316,9	139,4	137,4
II.	Chi thường xuyên	638.153	638.153	495.786	142.367	850.137	564.063	286.074	734.163	133,2	133,2	115,8
1	SN: Kinh tế	16.114	16.114	14.123	1.991	108.142	18.215	89.927	37.862	671,1	671,1	285,6
2	SN môi trường	3.797	3.797	1.483	2.314	4.422	1.649	2.773	3.408	116,5	116,5	129,8
3	SN giáo dục & ĐT	309.485	309.485	307.325	2.160	340.780	336.509	4.271	294.149	110,1	110,1	115,9
4	SN Y tế	68.013	68.013	68.013		73.352	72.129	1.223	64.510	107,8	107,8	113,7
5	SN văn hóa TT-TDĐT	3.405	3.378	2.690	688	5.694	2.811	2.883	6.695	167,2	168,6	85,0
6	SN phát thanh truyền hình	1.473	1.500	1.093	407	1.993	1.327	666	1.563	135,3	132,9	127,5
7	Chi CSXH	79.242	79.242	66.073	13.169	121.774	75.513	46.261	149.830	153,7	153,7	81,3
8	Chi quản lý hành chính	147.980	147.980	28.383	119.597	177.699	42.583	135.116	166.171	120,1	120,1	106,9
9	An ninh	1.027	1.027	500	527	2.418	1.488	930	2.762	235,4	235,4	87,5
10	Quốc phòng	5.117	5.117	4.603	514	9.834	8.910	924	6.907	192,2	192,2	142,4

1

TT	Nội dung	DT năm 2019 tính giao	Dự toán năm 2019 huyện giao			Ước thực hiện năm 2019			Cùng kỳ năm 2018	So sánh (%)		
			Tổng số	NSH	NSX	Tổng số	NSH	NSX		TH/DT tỉnh giao	TH/DT huyện giao	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Chi khác NS	2.500	2.500	1.500	1.000	4.029	2.929	1.100	306	161,2	161,2	1316,7
III	Chi trợ cấp cân đối		130.968	130.968	0	254.111	254.111	0	303.455		194,0	83,7
1	Trợ cấp cân đối		130.968	130.968		125.968	125.968		124.961		96,2	100,8
2	Trợ cấp mục tiêu	0	0			128.143	128.143		178.494			71,8
IV	Dự phòng	9.640	9.640	6.602	3.038	0						
V	Chi chuyển nguồn					20.257	20.257		147.123			
B	KHOẢN CHI QUẢN LÝ QUA NSNN	0	5.565	5.565		0	0					
1	Học phí (60% học phí)		5.565	5.565		0						
C	Chi nộp NS cấp trên					927	555	372	2875			

Handwritten signature

BÁO CÁO

Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách năm 2019

(Kèm theo báo cáo số 3871 /BC-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
I	DỰ TOÁN GIAO	6.602.000.000	
II	KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG	5.960.620.000	
1	Chi phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn huyện	4.930.540.000	
2	Chi công tác Quốc phòng - An ninh	697.000.000	
3	HT kinh phí cho Đồn Biên phòng Quang Chiểu nhân kỷ niệm ngày thành lập lực lượng Bộ đội Biên phòng (03/3/1959-03/3/2019)	50.000.000	
4	Kinh phí phòng chống dịch bệnh; thiên tai gây ra đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện	283.080.000	
III	KINH PHÍ CÒN ĐƯỢC SỬ DỤNG (I-II)	641.380.000	

